TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 212 /2025/HS-PT
Ngày: 18/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các thẩm phán: Ông **Trần Huy Đức**

Ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 597/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Ngọc D về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Ngọc D, sinh ngày 14/5/1973 tại tỉnh Nam Định. Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Chủ tịch HĐQT - Liên hiệp Hợp tác xã N3; Trình độ học vấn: 12/12: Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị L; Vợ là Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1993. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 19/11/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đ ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 38 và Quyết định khởi tố bị can số 69 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự; Ngày 18/8/2011 và ngày 19/8/2011 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông ra Quyết định đình chỉ vụ án hình sự số 11, Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 12 đối với Phạm Ngọc D.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10 tháng 4 năm 2023 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Đinh Văn T - Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Hoàng A – Luật sư của Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Vắng mặt.

3. Ông Hoàng Minh T1 - Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Có mặt.

4.Ông Chu Văn K; Luật sư văn phòng L5; địa chỉ: 1 L, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Phạm Trọng T2, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số G đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6/2022, anh Phạm Trọng T2 biết bị cáo Phạm Ngọc D thông qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Tất C là bạn của bị cáo Phạm Ngọc D. Ngày 02/8/2022, anh Phạm Trọng T2 đến Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để gặp ông Nguyễn Tất C và ông Ngô Văn Thanh S cùng Phạm Ngọc D để trao đổi về vấn đề góp vốn đầu tư 100 ha đất trồng sâm Ngọc L1, tại tỉnh Kon Tum. Tại đây, bị cáo Phạm Ngọc D giới thiệu với anh Phạm Trọng T2 bản thân là Tiến sỹ sinh học tốt nghiệp tại Nhật Bản chuyên ngành nghiên cứu về G, đang là chủ nhiệm đề tài "Trích ly vi sóng diện rộng" đã bảo vệ thành công ở Nhật Bản và giới thiệu đang xây dựng Nhà máy C1 tại huyện Đ, tỉnh Kon Tum để sản xuất tinh chất dược liệu. Ngoài ra, bị cáo D còn giới thiệu với anh Phạm Trọng T2 là Ủy ban nhân dân tỉnh K đã cho chủ trương cấp 100 ha đất cho Liên hiệp Hợp tác xã N3 (gọi tắt HTX) tại huyện T, tỉnh Kon Tum, bị cáo D còn nói với anh T2 tổng chi phí để hoàn tất thủ tục pháp lý cấp 100 ha đất cho Liên hiệp HTX và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt Giấy CNQSDĐ) với thời hạn 50 năm đứng tên Liên hiệp HTX là 10 tỷ, bị cáo D đã có sẵn 5 tỷ và nói anh T2 cùng góp thêm 5 tỷ nữa để hoàn thiện việc cấp Giấy CNQSDĐ đứng tên Liên hiệp HTX và cam kết với anh T2 thời gian hoàn thành việc cấp Giấy CNQSD đất cho Liên hiệp HTX là 30 ngày. Bị cáo D cho biết đang sở hữu 88% cổ phần của Liên hiệp HTX, đã chuyển cho ông Ngô Văn Thanh S sở hữu 6% và ông Nguyễn Tất C sở hữu 6% cổ phần của Liên hiệp HTX và nói sẽ hoàn thiện thủ tục đăng ký cho anh Phạm Trọng T2 đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sở hữu 50% cổ phần của Liên hiệp HTX sau khi anh T2 góp vốn. Cũng trong buổi gặp mặt này bị cáo D còn giới thiệu với anh T2 đến

ngày 12/11/2022 sẽ ra thành phố Hà Nội nhận chức vụ Phó Trưởng ban, Ban Kinh tế chiến lược Trung ương và Ủy viên Trung ương Đảng để tạo sự tin tưởng cho anh T2 đầu tư. Mặt khác, bị cáo D cũng cho anh T2 xem một số bài báo và các video nói về việc thành lập và hoạt động của Liên hiệp HTX tại tỉnh Kon Tum, trong đó có một video nói về việc Liên hiệp HTX tổ chức hội thảo về việc hỗ trợ bà con dân tộc phát triển kinh tế thông qua trồng cây dược liệu.

Sau đó, bị cáo D đưa máy tính cho ông Ngô Văn Thanh S soạn thảo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 001/2022/BBH đề ngày 12/8/2022 theo sự hướng dẫn của bị cáo D (Thực tế biên bản được soạn thảo và ký kết là ngày 02/8/2022). Khi biên bản được bốn bên ký kết, anh T2 có yêu cầu bị cáo đưa số tài khoản của Liên hiệp HTX để chuyển tiền góp vốn. Tuy nhiên, bị cáo D đã đưa số tài khoản cá nhân số 881868888688 mở tại Ngân hàng Đ yêu cầu anh T2 chuyển tiền vào tài khoản này và nói bị cáo sẽ làm thủ tục chuyển vào tài khoản của Liên hiệp HTX sau.

Do tin tưởng bị cáo D nên từ ngày 03/8/2022 đến ngày 16/9/2022, anh T2 đã chuyển vào tài khoản số 881868888688 mở tại Ngân hàng Đ cho bị cáo D số tiền 4.400.000.000 đồng. Để tiếp tục tạo niềm tin cho anh T2, tháng 8/2022, bị cáo liên hệ với anh Nguyễn Văn T3 (Cán bộ Ban Q) để xin được trồng dược liệu dưới tán rừng tại tiểu khu trên thì anh T3 đã trao đổi với ông Trần Văn T4 (Trưởng ban Ban Q) và được sự đồng ý. Sau đó, anh Nguyễn Văn T3 lập danh sách các hộ dân tại thôn Đ, xã M, huyện K có nhu cầu nhận khoán bảo vệ rừng và ghi thêm tên bị cáo Phạm Ngọc D và Nguyễn Thị Diễm M (vợ D) vào danh sách rồi đưa cho Nguyễn Văn H (cán bộ Ban quản lý) lập hồ sơ. Khi hồ sơ lập xong thì trình cho ông Trần Văn T4 ký xác nhận và mang hồ sơ đến cho các hộ nhận khoán ký tên, sau đó đưa cho ông Nguyễn Ngọc X (Chủ tịch UBND xã M) ký xác nhận hồ sơ để bị cáo Phạm Ngọc D và Nguyễn Thị Diễm M đứng tên vào nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng với mục đích để cho bị cáo D được trồng dược liệu dưới tán rừng tại tiểu khu B thuộc lâm phần do Ban Q quản lý. Ngày 01/9/2022, Ban Q ký Hợp đồng khoán bảo vệ rừng cho N1 hộ thôn Đ trong đó có bị cáo Phạm Ngọc D, Nguyễn Thị Diễm M không thuộc đối tượng được khoán bảo vệ rừng.

Ngày 22/9/2022, bị cáo D đưa anh Phạm Trọng T2 đến khoảnh 3, tiểu khu B thuộc địa phận xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum và giới thiệu với anh T2 đây là vị trí 100ha đất đã có chủ trương của UBND tỉnh K cấp cho Liên hiệp HTX, tại đây bị cáo đã treo bảng hiệu *"Liên hiệp Hợp tác xã Nông - Công nghiệp xanh Kon Tum, Trung tâm phân tích giám sát ADN sâm Ngọc L1"* và giới thiệu vườn sâm Ngọc L1 do bị cáo trồng từ tháng trước có độ tuổi từ 01 năm đến 03 năm tuổi. Anh Phạm Trọng T2 sau khi thấy vị trí đất bị cáo D nói của Liên hiệp HTX đã được trồng sâm, có hàng rào xung quanh và có lán trại, có người ở bảo vệ và thấy có treo bảng hiệu của Liên hiệp HTX thì càng tin tưởng vào lời giới thiệu

của bị cáo về chủ trương của UBND tỉnh K cấp 100ha đất cho Liên hiệp HTX là thật, sau đó anh T2 có hỏi bị cáo D về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 100ha đất trên thì bị cáo D nói đang làm sắp xong rồi. Sau đó, bị cáo yêu cầu anh T2 chuyển thêm tiền góp vốn nên từ ngày 23/9/2022 đến ngày 27/10/2022 anh T2 tiếp tục chuyển cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng để bị cáo hoàn thành thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ của 100ha này.

Như vậy, từ ngày 03/8/2022 đến ngày 27/10/2022, anh Phạm Trọng T2 đã chuyển vào tài khoản số 881868888688 mở tại Ngân hàng Đ cho bị cáo D số tiền 4.500.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền góp vốn từ anh T2 chuyển vào tài khoản cá nhân của bị cáo Phạm Ngọc D số 881868888688 mở tại ngân hàng TMCP Đ (P) thì bị cáo D đã không sử dụng tiền vào việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với 100ha đất trồng sâm Ngọc L1 cho Liên hiệp HTX và không thay đổi đăng ký kinh doanh để anh T2 được công nhận thành viên góp vốn trong Liên hiệp HTX, không thực hiện việc sản xuất kinh doanh, không hạch toán trên sổ sách kế toán của Liên hiệp HTX Nông - Công nghiệp xanh Kon Tum, mà đã sử dụng vào nhiều mục đích cá nhân như: Đầu tư vào vườn sâm cá nhân, trả nợ, chi tiêu mua sắm cá nhân.

Quá trình điều tra, bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại giai đoạn truy tố, bị cáo đã tác động gia đình là em gái chị Phạm Thị H1 bồi thường khắc phục 1 phần hậu quả cho bị hại số tiền 300 triệu đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh K không thu giữ vật chứng gì.

Ngày 23/02/2023, Cơ quan CSĐT đã tiến hành rà soát, xác minh tài sản là bất động sản của bị cáo Phạm Ngọc D trên phạm vi toàn quốc. Kết quả xác minh tính tới thời điểm hiện nay cá nhân bị cáo không có bất kỳ tài sản là bất động sản nào.

Đối với vườn sâm khoảng 1000m^2 của cá nhân bị cáo tại khoảnh 3, tiểu khu B thuộc địa phận xã N, huyện T. Ngày 10/7/2023, Cơ quan CSĐT đã có Công văn số 444/CSKT đề nghị Ban Q phối hợp, quản lý, bảo vệ. Hiện nay, Ban Q đã giao cho Trạm quản lý địa bàn xã M, huyện K quản lý, bảo vệ đối với vườn sâm trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc D **13** năm **6** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (10/4/2023).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt và phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 4/10/2024, Bị cáo kháng cáo Phạm Ngọc D kháng cáo, đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm, bị cáo không phạm tội.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư Chu văn K bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử Huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra lại, vì cấp sơ thẩm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là chưa đủ căn cứ.

Luật sư Hoàng Minh T1 cho rằng, Luật sư đã gia tố tụng từ giai đoạn sơ thẩm và đã có quan điểm từ sơ thẩm. Đối với số tiền 300 triệu mà gia đình bị cáo khắc phục ở giai đoạn sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ đã bồi thường là đã làm lợi cho bị cáo. Nay tham gia nhưng Luật sư không có ý kiến gì, đề nghị Toà xem xét quan điểm của Luật sư đồng nghiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Phạm Ngọc D giữ nguyên kháng cáo đề nghị xem xét lại Bản án sơ thẩm, cho rằng bị cáo không phạm tội.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc D, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà sơ thẩm và phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Phạm Ngọc D cho rằng mình không phạm tội lừa đảo nhưng đã thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của mình đối với bị hại, lời khai của bị cáo là phù hợp với các lời khai và tài liệu chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác qua đó đã có đủ căn cứ để khẳng định:

Bị cáo Phạm Ngọc D với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị Liên hiệp Hợp tác xã Nông – Công nghiệp xanh Kon Tum. Biết và nhận thức rõ Liên hiệp HTX không có cổ phần, cổ đông và không được phép gọi vốn từ các cá nhân mà chỉ được phép gọi vốn từ các thành viên là Hợp tác xã, không lập dự án để xin 100ha đất trồng sâm nhưng bị cáo vẫn đưa ra các thông tin gian dối sở hữu 88% cổ phần Liên hiệp HTX, bản thân bị cáo sắp nhận chức vụ Phó Trưởng ban, Ban K1; gian dối về việc giới thiệu đã có chủ trương cấp 100ha đất trồng sâm Ngọc L1 cho Liên hiệp HTX; gian dối trong việc giới thiệu cần 10 tỷ đồng để hoàn thiện thủ tục pháp lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 100ha đất trồng

sâm Ngọc L1 cho Liên hiệp HTX trong thời gian 30 ngày và lập Biên bản đại hội đồng cổ đông ngày 02/8/2022, tự ý lập và treo bảng hiệu *"Liên hiệp hợp tác xã Nông - Công nghiệp xanh Kon Tum, Trung tâm phân tích giám sát AND sâm Ngọc L1"* trong khu vực rừng phòng hộ tại tiểu khu B thuộc lâm phần do Ban Q để tạo sự tin tưởng cho bị hại Phạm Trọng T2 chuyển tiền cho bị cáo và bị cáo chiếm đoạt thể hiện như sau:

Từ ngày 03/8/2022 đến ngày 27/10/2022, bị hại Phạm Trọng T2 đã chuyển vào tài khoản cá nhân số 881868888688 mở tại Ngân hàng Đ cho bị cáo số tiền 4.500.000.000 đồng. Ngay sau mỗi lần bị hại chuyển tiền thì bị cáo đã không sử dụng tiền vào việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với 100 ha đất trồng sâm Ngọc L1 cho Liên hiệp HTX, không thay đổi đăng ký kinh doanh để bị hại được công nhận thành viên góp vốn trong Liên hiệp HTX, không thực hiện việc sản xuất kinh doanh, không hạch toán trên sổ sách kế toán của Liên hiệp HTX mà bị cáo đã sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau như đầu tư vào vườn sâm cá nhân, chuyển tiền để trả nợ cho nhiều cá nhân, chi tiêu mua sắm, tiêu xài cho bản thân. Quá trình xác minh, sao kê tài khoản số 881868888688 mở tại Ngân hàng TMCP Đ của bị cáo thì quá trình sử dụng dòng tiền của bị hại phù hợp với lời khai của bị cáo và những người có liên quan.

Bị cáo Phạm Ngọc D đã có thủ đoạn đưa ra những thông tin gian dối đối với bị hại để bị hại tin tưởng là UBND tỉnh K có chủ trương cho phép Liên hiệp HTX trồng 100ha sâm Ngọc L1 là thật, để bị hại tin tưởng, chuyển tiền cho bị cáo rồi chiếm đoạt số tiền 4.500.000.000 đồng sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, trả nợ cho những người khác.

[2.2] Bị cáo Phạm Ngọc D kháng cáo cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo gian dối khi giới thiệu bản thân là không có căn cứ. Xét thấy rằng, quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận giới thiệu gian dối về bản thân. Tuy nhiên bị hại Phạm Trọng T2, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tất C, Ngô Văn Thanh S đều xác đinh:

Phạm Trọng T2 khai: *vào tháng 7/ 2022, tôi cùng với anh C, anh S đến gặp anh D tại phòng làm việc của anh D tại V…Trong buổi gặp mặt này, anh D có nói với tôi đến ngày 12/11/2022 sẽ ra Hà Nội nhận chức Phó trưởng ban Kinh tế chiến lược Trung ương và Uỷ viên Trung ương Đảng nên tôi tin tưởng nên quyết định đầu tư (Bl-893); …Mục đích của anh D giới thiệu việc này là làm cho tôi tin tưởng anh D là người sắp có chức vụ cao để tôi đầu tư góp vốn cho anh D trong việc thực hiện thủ tục pháp lý để ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 100 ha mà anh giới thiệu đã có chủ trương của UBND tỉnh trong việc cấp 100 ha đất cho Liên hiệp Hợp tác xã Nông -Công nghiệp xanh Kon Tum. Mặt khác, anh D còn giới thiệu với tôi là Tiến sỹ sinh học, chủ tịch công nghệ sinh Gen thế giới. Vì tôi thấy anh D có phòng làm việc riêng tại Viện hàn lâm khoa học kỹ thuật Việt Nam nên tôi không biết anh D nói dối với tôi vấn đề*

đó và tôi tin tưởng là thật nên tôi cũng không tìm hiểu về lời giới thiệu của anh D. Thậm chí trên mạng cũng có bài báo viết về anh Phạm Ngọc D là tiến sỹ sinh học đang làm dự án nông nghiệp cho tỉnh Kon Tum (BL-898).

Nguyễn Tất C khai: *Quá trình gặp gỡ anh T2 có tôi và anh S cùng ở đó và tôi có nghe anh D giới thiệu với anh T2 bản thân anh D là tiến sỹ sinh học tốt nghiệp tại N, chuyên sau về nghiên cứu vè Gen, đang là chủ nhiệm đề tài "trích ly vi sóng diện rộng" đã bảo vệ thành công ở Nhật Bản, hiện nay đang ứng dụng làm dự án nhà máy tại Kon Tum để trích ly tinh chất dược liệu…Trong các lần gặp nhau sau đó giữ tôi, anh D, anh S với anh T2 thì tôi có nghe thấy anh D nói với anh T2 là tháng 9/2022 sẽ ra Hà Nội nhận chức "Trưởng ban chiến lược trung ương" (B).*

Về biên bản đại hội cổ đông liên hiệp HTX thực tế diễn ra ngày 2/8/2022 nhưng do đánh máy sai thành ngày 12/8/2022, tại phòng làm việc thuê tại Viện hàn lâm khoa học công nghệ thành phố H (không liên quan gì đến công tác của viện mà chỉ thuê văn phòng). Tại cuộc họp, ông D có giới thiệu với tôi, S, T2 là có chủ trương của tỉnh Kon Tum (chỉ là nói miệng, không có giấy tờ gì thể hiện) thống nhất cho liên hiệp HTX đầu tư dự án 100 ha trồng sâm Ngọc L1 và ông D nối để thực hiện thủ tục pháp lý (tức là ra GCNQSDĐ) cần có 10 tỷ, hiện ông D có 5 tỷ, còn 5 tỷ kêu gọi ông T2 góp vào. (Biên bản ghi lời khai của Nguyễn Tất C ngày 02 tháng 03 năm 2023 BL 910-939).

Ngô Văn Thanh S khai: *anh D giới thiệu là tiến sỹ sinh học hiện đang công tác tại Viện hàn lâm Việt Nam, đã tốt nghiệp tiến sỹ tại Nhật Bản (B).*

[2.3] Bị cáo Phạm Ngọc D cho rằng không sử dụng pháp nhân của Hợp tác xã N3 để kêu gọi bị hại góp vốn trồng sâm với bị cáo mà chỉ với tư cách cá nhân. Tuy nhiên, bị cáo khai: *anh T2 có đề nghị với tôi nếu như anh T2 góp vốn trồng sâm Ngọc L1 thì tôi chuyển nhượng 50% vốn góp cổ phần Liên hiệp Hợp tác xã Nông-Công nghiệp xanh Kon Tum vả được tôi đồng ý (Bl-1119); Tại Biên bản đại hội cổ đông ngày 12/8/2022 thể hiện việc tôi đồng ý chuyển nhượng 50% vốn cổ phần của Liên hiệp Hợp tác xã nông-Công nghiệp xanh Kon Tum cho ông T2 (BL-1123).*

Các bị hại Phạm Trọng T2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tất C, Ngô Văn Thanh S đều xác định việc bị hại Phạm Trọng T2 góp vốn là để đầu tư vào Liên hiệp Hợp tác xã N2 -Công nghiệp xanh N3 (đơn tố cáo BL số: 07-08; lời khai bị hại BL số: 893,897; lời khai Nguyễn Tất C BL số: 925; lời khai Ngô Văn Thanh S BL số: 892).

Tại biên bản họp đại hội cổ đông ngày 12/8/2022 của Liên hiệp Hợp tác xã N3 (BL số: 28-29), thể hiện: *ông Phạm Trọng T2 đồng ý góp 50%giá trị hoàn tất thủ tục pháp lý tương đương 5.000.000.000 (5 tỷ đồng).*

Các ảnh chụp do bị hại Phạm Trọng T2 giao nộp, lời khai của ông Trần Văn T4, nguyên Trưởng ban Q thể hiện bị cáo đã tự làm và treo bảng hiệu:

Liên hiệp Hợp tác xã Nông-Công nghiệp xanh Kon Tum, Trung tâm phân tích giám sát AND sâm Ngọc L1*,* để giới thiệu với bị hại và chụp ảnh.

Với những chứng cứ phân tích trên, đủ cơ sở xác định bị cáo Phạm Ngọc D đã lợi dụng danh nghĩa là Chủ tịch Hội đồng quản trị Liên hiệp Hợp tác xã Nông-Công nghiệp xanh Kon Tum để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại.

[2.4] Bị cáo Phạm Ngọc D kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội lừa đảo vì đã thực hiện theo đúng thoả thuận với bị hại. Tuy nhiên, như trên đã phân tích, bị cáo đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại với tổng số tiền 4.500.000.000 đồng (trong giai đoan sơ thẩm nộp khắc phục được 300.000.000 đồng) và cho đến nay, như thừa nhận của bị cáo tại phiên toà phúc thẩm không có việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ đối với 100 ha đất để thực hiện việc trồng sâm Ngọc L1.

Từ những chứng cứ, nội dung phân tích và lập luận trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4, Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phạm Ngọc D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc D **13 (mười ba)** năm 0**6 (sáu)** tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (10/4/2023).

Về án phí phúc thẩm hình sự: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Ngọc D phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cường